

Số: 1394 /VTVcab
V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
của BCTC hợp nhất quý 2 năm 2021 thay
đổi từ 10% trở lên so với BCTC cùng kỳ
năm trước

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
Mã chứng khoán: CAB
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2021 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	Chênh lệch quý 2/2021 và quý 2/2020	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	623.181.875.836	559.307.620.296	63.874.255.540	11,4%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.630.000	24.122.727	(22.492.727)	-93,2%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	623.180.245.836	559.283.497.569	63.896.748.267	11,4%
4. Giá vốn hàng bán	448.848.189.446	368.336.915.486	80.511.273.960	21,9%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	174.332.056.390	190.946.582.083	(16.614.525.693)	-8,7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	606.424.818	823.655.298	(217.230.480)	-26,4%
7. Chi phí tài chính	3.869.272.413	9.593.869.863	(5.724.597.450)	-59,7%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.773.523.838	9.500.452.803	(5.726.928.965)	-60,3%

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-4.262.929.110	-5.775.561.844	1.512.632.734	26,2%
9. Chi phí bán hàng	63.867.387.759	63.831.893.136	35.494.623	0,1%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.930.642.313	74.686.669.397	(3.756.027.084)	-5,0%
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	32.008.249.613	37.882.243.141	(5.873.993.528)	-15,5%
12. Thu nhập khác	574.160.876	4.555.880	569.604.996	12502,6%
13. Chi phí khác	20.273.858	125.480.326	(105.206.468)	-83,8%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	553.887.018	-120.924.446	674.811.464	558,0%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	32.562.136.631	37.761.318.695	(5.199.182.064)	-13,8%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.647.191.836	8.140.183.417	(1.492.991.581)	-18,3%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.171.612.187	1.407.520.663	(235.908.476)	-16,8%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	24.743.332.608	28.213.614.615	(3.470.282.007)	-12,3%

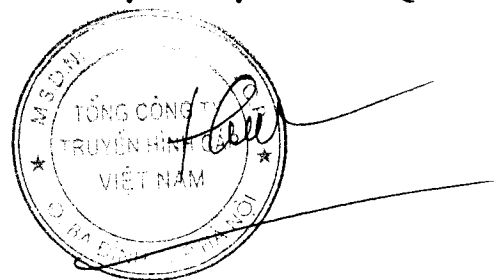
Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2021 giảm 12,3% so với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020 của VTVcab. Nguyên nhân: do trong quý 2 năm 2021, VTVcab tập trung thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu như sản xuất chương trình, sử dụng bản quyền, tuyên truyền, quảng cáo, truyền thông và một số nhiệm vụ kinh doanh khác, theo đó chỉ tiêu giá vốn hàng bán tăng 21,9% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong Quý 2/2021, VTVcab đã tăng doanh thu và thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí so với Quý 2/2020, cụ thể: doanh thu tăng 11,4%, chi phí tài chính giảm 59,7% (chủ yếu là chi phí lãi vay), chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 5%. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2021 của VTVcab đã giảm 12,3% so với cùng kỳ năm trước. *

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huân